

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B22.111/TTQT B22.0112	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/03/2022 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại công xả nước thải nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2. Tọa độ: X=01174679, Y=00422207.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 15/03/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Cadimi (Cd)*	mg/l	ASTM-D3557:17	KPH (<0,0023)
2. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	KPH (<7,0)
3. BOD ₅ (ở 20 ⁰ C)*	mg/l	TCVN 6001-1:2008	KPH (<3,0)
4. Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6494-1:2011	4,0
5. Cr ⁶⁺	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,010)
6. COD	mg/l	SMEWW 5220D:2017	KPH (<30)
7. Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	TCVN 5988:1995	0,84
8. Tổng Nitơ (T-N)*	mg/l	TCVN 6638:2000	5,60
9. Tổng photpho (T-P)*	mg/l	TCVN 6202:2008	0,033
10. Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
11. Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
12. Cr ³⁺	mg/l	TCVN 6658:2000- SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,050)
13. Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
14. Chì (Pb)*	mg/l	ASTM-D3559:15	KPH (<0,0100)
15. Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
16. Tổng dầu mỡ (Dầu và sản phẩm dầu)	mg/l	SMEWW 5520B:2017	KPH (<0,3)
17. E.coli	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	(-) (<3)
18. T - Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	93 x 10 ¹
19. Nhiệt độ	⁰ C	SMEWW 2550B:2017	33,0
20. Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	3,4
21. pH		TCVN 6492:2011	6,2
22. Oxi hòa tan (DO)	mg/l	TCVN 12026:2018	7,5

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B22.111/TTQT B22.0112	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/03/2022 Trang (Page): 02/02

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 14h10.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

KPH: Không phát hiện.

(-): Âm tính

Mẫu được lấy theo HĐ 21P1O00007 ngày 01/4/2021.

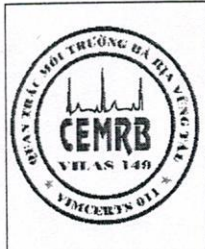
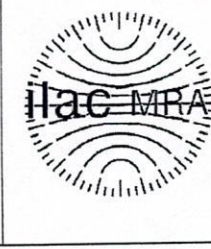
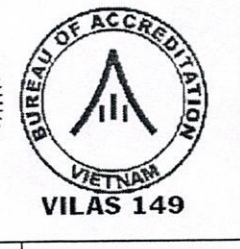
TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	---	---

B22.232 ÷ 233/TTQT A22.0107	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 06/05/2022 Trang: 01/01
--	---	--

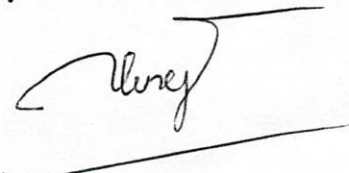
1. Vị trí đo : ARP-01; ARP-02
Measurement Location sum min vty.
2. Ngày đo : 14/04/2022
Date of measurement
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả đo :
Measurement result

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	
		ARP-01	ARP-02
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<1,0	<1,0
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	19,798	14,751
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	110
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	53,2	<1,9
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	63,8	59,3
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26A	2,56	1,97
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,0057	<0,0057

***Ghi chú:**

- ARP-01: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-01. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174643, Y = 423091.
- ARP-02: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-02. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174643, Y = 423091.
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

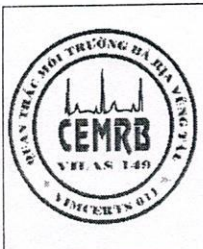
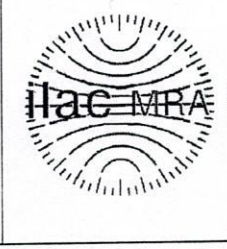
TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	--	---

B22.122 - 124/TTQT A22.0073	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 12/04/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: KK61; KK62; KK63
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/03/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		KK61	KK62	KK63
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,032	<0,032	<0,032
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,032	<0,032	<0,032
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	36,7	34,4	35,4
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	46,7	52,4	52,0
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,09	0,13	0,97
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020	<0,020	<0,020
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,011	<0,011	<0,011
8. Khí CO mg/m ³	52TCN 352:1989	<6,5	<6,5	<6,5
9. VOCs* mg/m ³	NIOSH Method 1501	2,24	1,53	1,21
10. H ₂ Cr ₂ O ₄ * mg/m ³	TK.OSHA Method ID 215	<35 x 10 ⁻⁸	<35 x 10 ⁻⁸	<35 x 10 ⁻⁸

***Ghi chú:**

- Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (KK61). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174483, Y = 422794;
- Không khí khu vực làm nguội tấm thép (KK62). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174481, Y = 422711;
- Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK63). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174464, Y = 422762;
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
--	---	---

B22.119 - 121/TTQT A22.0072	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 12/04/2022 Trang: 01/01
---	--	--

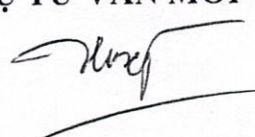
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: PL01; PL02; PL03
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 16/03/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>		Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
			PL01	PL02	PL03
1. Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	5,6	1,8	3,5
2. Lưu lượng	m ³ /h	SOP-PQT-KT06	15.466	28.164	573.483
3. Khí SO ₂	mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	<2,6	<2,6
4. Khí NO _x	mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	<1,9	<1,9
5. Khí CO	mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	4,6	<1,1	<1,1
6. Khí HCl*	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	2,15	2,40	1,86
7. Khí Cl ₂ *	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,0057	<0,0057	<0,0057

***Ghi chú:**

- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ PL01. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175145, Y= 432122;
- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ PL02. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175022, Y= 423159;
- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ PL03. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1174920, Y= 422941;
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động.

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**


Nguyễn Thị Hằng




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B22.113/TTQT B22.0111	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/03/2022 Trang (Page): 01/01

- Tên mẫu
Sample Name : Nước mặt sông Thị Vải, cách 100m về phía hạ nguồn so với điểm đo nước làm mát của nhà máy vào sông (NM2). Tọa độ: X=01174629, Y=00422100.
- Ngày nhận mẫu
Date of receive sample : 15/03/2022.
- Khách hàng
Customer : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam.
- Kết quả thử nghiệm
Test result :

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	61
2. Clorua (Cl)*	mg/l	TCVN 6194:1996	12287
3. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	31,3
4. Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	34,4

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h10.
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.
Mẫu được lấy theo HD 21P1O00007 ngày 01/4/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH



Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

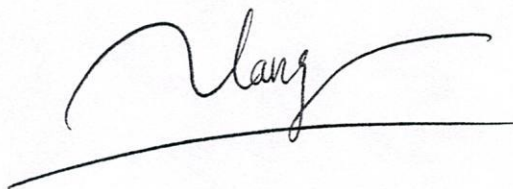
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
B22.112/TTQT B22.0110	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 23/03/2022 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt tại Cầu Rạch Trái, cách 500m về phía thượng nguồn so với điểm xả nước làm mát của nhà máy vào rạch (NM1). Tọa độ: X=01174643, Y=00422140.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 15/03/2022.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	88
2. Clorua (Cl)*	mg/l	TCVN 6194:1996	12356
3. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	31,3
4. Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	31,7

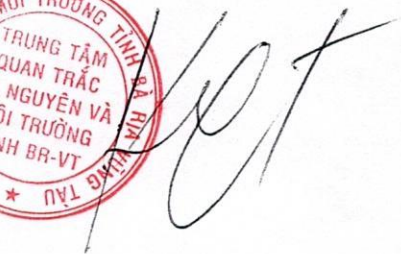
Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h00.
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.
Mẫu được lấy theo HD 21P1O00007 ngày 01/4/2021.

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

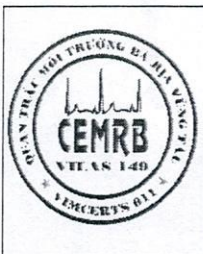


Nguyễn Thị Lệ Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	--	--

B22.100-102/TTQT
A22.0037

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT MONITORING REPORT

Ngày: 29/03/2022
Trang: 01/01

1. Vị trí đo : ACL01; ACL02; ACL03
Measurement Location
2. Ngày đo : 15/03/2022
Date of measurement
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả đo :
Measurement result

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		ACL01	ACL02	ACL03
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<1,0	<1,0	4,1
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	45,6	117,7	343,4
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	6.404	29.629	45.003
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	<2,6	<2,6
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	<1,9	<1,9
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	6,8	<1,1	<1,1

***Ghi chú:**

- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL01). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174459, Y = 422844;
- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL02). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174465, Y = 422748;
- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL03). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174459, Y = 422713;
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Phi Long

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.103 ÷ 104/TTQT A22.0038	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2022 Trang: 01/01
--	---	--

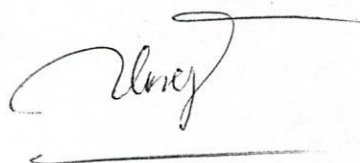
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: BOI-01; QA-01 BOI-02
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/03/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	
		BOI-01	QA-01
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	5,2	<1,0
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	33.025	4.712
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	91,5	23,9
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	<2,6
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	94,9	<1,9
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	4,6	1,1

***Ghi chú:**

- Khí thải trong lòng ống khói lò hơi BOI-01. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174616, Y = 422923.
- Khí thải trong lòng ống khói lò khu vực QA/QC.
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

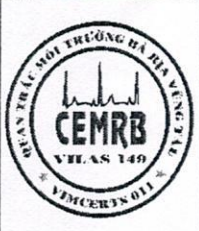


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Phi Long

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.223 - 225/TTQT A22.0086	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/04/2022 Trang: 01/01
--	---	--

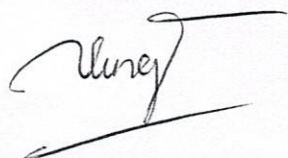
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: CGL01; CGL02; CGL03.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/04/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		CGL01	CGL02	CGL03
1. Bụi tổng	mg/Nm ³ US EPA Method 05	<1,0	<1,0	<1,0
2. Nhiệt độ	°C SOP-PQT-KT06	378,8	58,8	79,6
3. Lưu lượng	m ³ /h SOP-PQT-KT06	7.250	42.167	44.254
4. Khí SO ₂	mg/Nm ³ SOP-PQT-KT01	<2,6	<2,6	<2,6
5. Khí NO _x	mg/Nm ³ SOP-PQT-KT01	<1,9	<1,9	<1,9
6. Khí CO	mg/Nm ³ SOP-PQT-KT01	<1,1	<1,1	1,1

***Ghi chú:**

- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL01). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174524, Y = 422840;
- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL03). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174563, Y = 422786;
- Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL02). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174554, Y = 422714;
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B22.234/TTQT A22.0095	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 25/04/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói của Xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội (CAL02). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174591, Y = 422813.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 14/04/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<1,0
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	40,2
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	11.724
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	7,7
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,3

***Ghi chú:**

- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

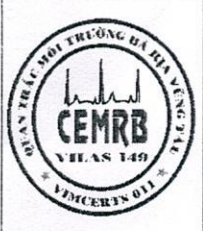
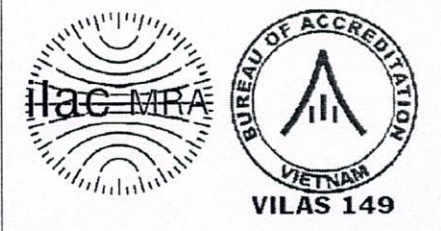
TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
---	---	---

B22.226/TTQT A22.0087	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/04/2022 Trang: 01/01
--	---	--

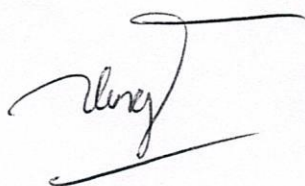
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i> 2. Ngày đo <i>Date of measurement</i> 3. Khách hàng <i>Customer</i> 4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép cuộn cán nguội (CAL01). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174593, Y = 422853. : 08/04/2022 : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam. :
--	---

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<1,0
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	225,9
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	56.651
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,6
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1

***Ghi chú:**

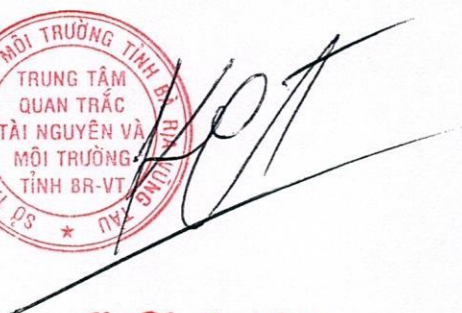
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

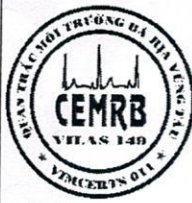


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.108 - 110/TTQT A22.0041	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: ON1; ON2; ON3.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/03/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		QN01	QN02	QN03
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	54,3	49,9	58,6
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	79,6	79,3	73,3
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	49,8	41,8	53,9

***Ghi chú:**

- Tiếng ồn tại khu vực Administration Office ADM (ON1).
- Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 400 - 500m về phía Đông Bắc (ON2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ $X = 1174378$, $Y = 423197$.
- Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 500m về phía Đông Nam (ON3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ $X = 1175230$, $Y = 422818$.
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thị Hằng

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Phi Long

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	--	---	--

B22.125 - 127/TTQT A22.0042	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo : ACL01; ACL02; ACL03. **O1;O2;O3**
Measurement Location
2. Ngày đo : 16/03/2022
Date of measurement
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
Customer
4. Kết quả đo :
Measurement result

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result		
		ACL01	ACL02	ACL03
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	76,7	76,1	77,2
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	82,5	95,1	93,5
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	75,4	72,9	75,2

***Ghi chú:**

- Tiếng ồn tại khu vực trắng phủ **ACL01 (O1)**. Tọa độ X: 11737011, Y: 423219.
- Tiếng ồn tại khu vực trắng phủ **ACL02 (O2)**. Tọa độ X: 1173103, Y: 423177.
- Tiếng ồn tại khu vực trắng phủ **ACL03 (O3)**. Tọa độ X: 1174017, Y: 424229.
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

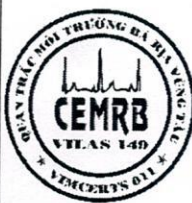


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Phi Long

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	  VILAS 149
---	---	--

B22.107/TTQT A22.0040	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực văn phòng của nhà máy (K3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174491, Y = 422323.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/03/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,032
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,032
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	33,3
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	54,5
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	2,11
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,011
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO ⁺	<6,5

***Ghi chú:**
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

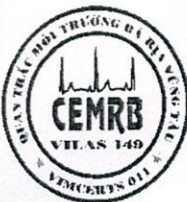


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Võ Phi Long

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.221/TTQT A22.0084	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/04/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cán nóng (K4). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/04/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,032
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,032
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	34,9
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	59,1
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,21
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,011
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5

***Ghi chú:**

- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.222/TTQT A22.0085	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/04/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực tẩy gỉ (K5). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174656, Y = 422819.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/04/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,032
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,032
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	35,0
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	56,8
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,33
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,011
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5
9. Khí HCl* mg/m ³	NIOSH Method 7907	<0,0019

***Ghi chú:**

- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Tư vấn Công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động".

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B22.220/TTQT A22.0083	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/04/2022 Trang: 01/01
--	---	--

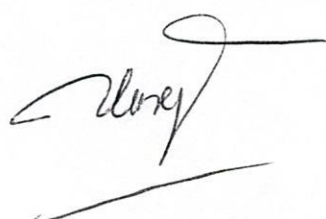
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cán nóng (K7). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/04/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,032
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,032
3. Nhiệt độ °C	TCVN 5508:2009	33,7
4. Độ ẩm %	TCVN 5508:2009	53,9
5. Vận tốc gió m/s	TCVN 5508:2009	0,47
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,020
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,011
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,5

***Ghi chú:**

- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

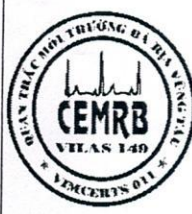


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	---	--

B22.105 ÷ 106/TTQT A22.0039	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 29/03/2022 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K1÷ K2
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 15/03/2022
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	
		K1	K2
1. Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	<32	<32
2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{m}^3$	MASA 501	<32	<32
3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	SOP-PQT-30	33,5	34,2
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	54,7	55,2
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,33	0,52
6. Khí SO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971:1995	<20	<20
7. Khí NO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137: 2009	<11	<11
8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{m}^3$	SOP-PTN-CO	<6500	<6500

***Ghi chú:**

- Không khí khu vực cách ranh giới phía Bắc nhà máy khoảng 500m (K1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174330, Y = 422169.
- Không khí khu vực cách ranh giới phía Tây Nam nhà máy khoảng 500m (K2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1175230, Y = 422818.
- Mẫu được lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Phi Long

Số : 165-03/22-4.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL & NIPPON STEEL VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A2, P. Mỹ Xuân, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu : 16/03/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Cl ₂ *	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A	0,0057 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Cl ₂
Nguồn thải	(mg/Nm ³)
Ổng khói xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ 1 (PL01) (Đo tại nguồn thải)	KPH
Ổng khói xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ 2 (PL02) (Đo tại nguồn thải)	KPH
Ổng khói xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ 3 (PL03) (Đo tại nguồn thải)	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	10

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

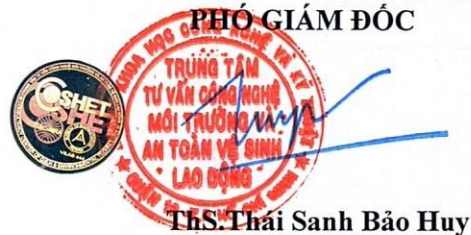
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC


ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 249-04/22-1.5 / KQPT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

- 1/ Đơn vị yêu cầu : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
- 2/ Địa chỉ : Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 3/ Thời gian nhận mẫu : 19/04/2022
- 4/ Loại mẫu : Khí thải
- 5/ Phương pháp phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	HCl*	US EPA Method 26A	0,0035 mg/Nm ³
2	Cl ₂ *	US EPA Method 26A	0,0057 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	HCl	Cl ₂
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
1.B22.232 Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-01. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=01174643, Y=00423091 (Đo tại nguồn thải)	2,56	KPH
2.B22. 233 Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-02. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=01174643, Y=00423091 (Đo tại nguồn thải)	1,97	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	50	10

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Bùi Mạnh Hiệp

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Số : 165-03/22-4.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL & NIPPON STEEL VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : KCN Mỹ Xuân A2, P. Mỹ Xuân, TX. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3/ Thời gian lấy mẫu : 16/03/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	H ₂ Cr ₂ O ₄ ^c	TK.OSHA Method ID 215	TK.OSHA Method ID 215	35×10 ⁻⁸ mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	H ₂ Cr ₂ O ₄ (mg/m ³)
1.Khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK61)	KPH
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	-
2.Khu vực 2 bồn chứa hóa chất (KK62)	KPH
3.Khu vực làm nguội thép tấm (KK63)	KPH
QCVN 03:2019/BYT ^(a)	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

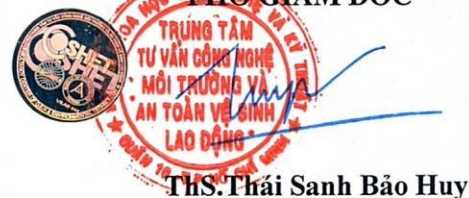
KPH: Không phát hiện (< MDL)

(c): Kết quả mang tính chất tham khảo thực hiện theo yêu cầu khách hàng

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC


ThS. Thái Sanh Bảo Huy